TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2025/HS-ST
Ngày: 24 - 11 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính.

2. Bà Đặng Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố H (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 288/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Văn H; sinh ngày 27/3/1995, tại Tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố 3, phường P, tỉnh Tỉnh T; chỗ ở: Số 17 đường A, phường Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 và bà Phạm Thị C1; có vợ tên Trương Thanh N1 và có 02 người con (sinh năm 2016 và sinh năm 2022).

- Tiền án:

+ Ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H xử phạt 02 (hai) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HSST), chấp hành xong Bản án ngày 29/5/2020.

+ Ngày 09/3/2023, Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HSST), chấp hành xong Bản án ngày 20/01/2025).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 26/6/2013, Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H xử phạt 09 (chín) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2013/HSST), chấp hành xong Bản án ngày 02/10/2017.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2025 đến nay. (Có mặt).

** Bị hại:*

Chị Nguyễn Bảo V1, sinh năm: 2001; nơi cư trú: Số 2385/87/23 Đường H, phường Đ, Thành phố H. (Vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Nguyễn Hoàng B2, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Số 2385/87/23 Đường H, phường Đ, Thành phố H. (Vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc V3, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Số 909 Đường Q1, phường N, Thành phố H. (Vắng mặt).

3/ Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm: 2002; nơi cư trú: Số 191 Đường D, Phường O, Thành phố H. (Vắng mặt).

4/ Anh Nguyễn Văn Đ3, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Số 61/31/5 Đường I, xã X, Thành phố H. (Vắng mặt).

5/ Ông Nguyễn Minh D6, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Số 21/4 Đường T, ấp 3, xã X, Thành phố H. (Vắng mặt).

6/ Anh Nguyễn Minh C6, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Số 191 Đường D, Phường O, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 28/5/2025, chị Nguyễn Bảo V1 điều khiển xe Honda AirBlade, biển số 59L2-262.48 đến gửi tại bãi giữ xe trường học Đường Q1, địa chỉ: Số 909 Đường Q1, Phường F, Quận E (nay là phường N), Thành phố H để đi học Anh văn tại Trung tâm IELTS Fighter nằm đối diện. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, chị V1 quay lại lấy xe thì phát hiện xe đã bị mất. Trong cốp xe có Căn cước công dân và giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Bảo V1, Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Hoàng B2 (anh ruột chị V1), thẻ giữ xe. Sau đó, chị V1 đến Công an Phường F, Quận E (nay là Công an phường N), Thành phố H trình báo sự việc. Sau đó, Công an Phường F, Quận E phối hợp với Phòng PC02 Công an Thành phố H truy xét, rà soát hệ thống camera giám sát xung quanh khu vực nơi xảy ra vụ việc trên, kết quả phát hiện vào khoảng 18 giờ 20 phút, ngày 28/5/2025, có 01 đối tượng đẩy bộ chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48 ra cổng bãi giữ xe và đưa thẻ xe. Đến 11 giờ 00 phút, ngày 30/05/2024, Công an đã phát hiện Phạm Văn H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe, truy xét thu giữ được chiếc xe Honda Air Blade biển số 59L2-262.48.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn H khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 50 phút, ngày 28/05/2025, H đi bộ đến sân bóng thuộc trường Trung học phổ thông Đường Q1 để chơi đá bóng. Khi đi ngang bãi giữ xe của sân bóng thì H nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59L2-262.48 chưa được đóng kín cốp, yên xe bị chênh lên, nên H tiến đến mở cốp xe lên và phát hiện bên trong cốp xe có 01 (một) giấy gửi xe của xe mô tô trên và H nảy sinh lòng tham lấy trộm chiếc xe. H leo lên xe ngồi và dùng hai chân đẩy xe ra cổng bãi giữ xe rồi bước xuống xe, lấy thẻ giữ xe và 5.000 đồng ra trả cho nhân viên giữ xe. Sau đó, H tiếp tục leo lên xe ngồi và dùng hai chân đẩy xe đi ra ngoài cổng. Khi vừa ra khỏi cổng thì H gặp một người đàn ông đeo khẩu

trang kín mặt, mặc áo xe ôm công nghệ (áo Grab màu xanh lá cây), H nói với người đàn ông trên là xe của H bị hư và thuê người đàn ông trên điều khiển xe phía sau và dùng chân đẩy xe do H đang điều khiển đi đến tiệm sửa xe với giá 30.000 đồng. Người đàn ông trên đồng ý và điều khiển xe chạy phía sau, dùng chân đẩy xe do H điều khiển chạy trước đi qua cầu Đường Q1, Phường F, Quận E đến tiệm sửa xe số 847A Đường Q1, Phường F, Quận E. Khi đến địa điểm trên, H trả tiền công cho người đàn ông chạy xe ôm công nghệ và H tiếp tục đẩy bộ xe vào quán cà phê gần đó tại địa chỉ 56 đường 817A Đường Q1, Phường F, Quận E để ngồi uống cà phê và lên mạng Internet tìm kiếm thợ sửa khóa để làm chìa khóa, khởi động xe. Sau đó, H liên hệ được một thợ làm chìa khóa là đàn ông khoảng 40 tuổi (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) đến để làm chìa khóa khởi động xe với chi phí là 200.000 đồng. Trong thời gian thợ sửa khóa đang mở khóa, làm chìa khóa xe thì H lên mạng xã hội Facebook đăng thông tin bán xe. Khoảng nửa tiếng sau, thợ sửa khóa thực hiện xong công việc, bàn giao chìa khóa xe cho H và H trả công theo thỏa thuận thì thợ sửa khóa ra về. Cùng lúc này, H nhận được một tin nhắn thỏa thuận giao dịch mua bán xe và hẹn gặp nhau tại quán cà phê tại địa chỉ số 71 Đường C, Phường M, Quận E (nay là Phường BT), Thành phố H để xem xe và giao dịch mua bán. H điều khiển xe mô tô biển số 59L2-262.48 đến địa chỉ trên và giao dịch mua bán xe mô tô với giá 12.000.000 đồng cho Nguyễn Văn H4 và Nguyễn Minh C6. Khi bán chiếc xe trên cho H4 và C6 thì H không nói chiếc xe trên do H trộm cắp có được, mà H cho biết chiếc xe trên là của H mua lại của người khác chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. H giao xe mô tô biển số 59L2-262.48 kèm theo giấy đăng ký xe mô tô trên (H kiểm tra phát hiện giấy đăng ký xe để sẵn ở trong cốp xe) cho H4 và C6 rồi nhận 12.000.000 đồng, sau đó đi về nhà tại địa chỉ số 17 đường A khu dân cư Ê, Phường S, Quận E (nay là phường Đ), Thành phố H. Đến ngày 30/5/2025, H đang ở nhà tại địa chỉ 17 đường A khu dân cư Ê, Phường S, Quận E, Thành phố H thì bị Phòng PC02 Công an Thành phố H phối hợp cùng Công an Phường F, Quận E đưa về trụ sở làm việc. Số tiền 12.000.000 đồng, H đã tiêu xài hết.

Nguyễn Văn H4 và Nguyễn Minh C6 khai nhận: Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 28/5/2025, qua mạng xã hội Facebook thì H4 và C6 có xem một bài đăng rao bán xe mô tô hiệu Airblade màu xanh dương, biển số 59L2-262.48; nên liên hệ và hẹn gặp người bán xe tại quán cà phê ở địa chỉ 71 Đường C, Phường M, Quận E (nay là Phường BT), Thành phố H để xem xe và giao dịch mua bán xe. Tại địa điểm trên, H4 và C6 gặp H và thỏa thuận giao dịch mua bán xe mô tô trên với giá 12.000.000 đồng. H không nói chiếc xe trên do H trộm cắp mà có, H cho biết chiếc xe trên là của H mua lại của người khác, nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. H giao xe mô tô biển số 59L2-262.48 kèm theo giấy đăng ký xe mô tô trên và viết 01 (một) giấy mua bán xe (giấy tờ tay) cho H4 và C6. Sau đó, H4 và C6 đưa xe về tiệm cầm đồ của H4 và C6 tại địa chỉ 191 Đường D, Phường Y, Quận TP (nay là phường Tân Sơn Nhì), Thành phố H để cất giữ. H4 liên hệ đem bán chiếc xe trên cho Nguyễn Minh D6 (bạn làm ăn mua bán xe đã qua sử dụng của H4 và C6) vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 29/5/2025 với giá 15.500.000 đồng. Khi bán chiếc xe trên cho D6, H4 cho biết chiếc xe trên cũng được mua bán lại qua nhiều đời chủ sở hữu, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59L2-262.48 cùng giấy tờ mua bán tay mà H đã viết gửi cho H4 và C6.

Nguyễn Minh D6 khai nhận: Do hành nghề mua bán xe đã qua sử dụng, nên vào ngày 29/5/2025, bạn làm ăn của D6 là Nguyễn Văn H4 có liên hệ D6 để giao dịch mua bán chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48. Vì vậy, vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 29/5/2025, D6 đến địa chỉ tiệm của H4 tại số 191 Đường D, Phường Y, Quận TPđể

xem xe. Qua thoả thuận, D6 mua chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48 với giá 15.500.000 đồng. Khi mua chiếc xe trên thì H4 cho biết chiếc xe trên được mua bán lại qua nhiều đời chủ sở hữu, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59L2-262.48 và 01 (một) giấy mua bán tay do chủ trước viết (được Nguyễn Văn H4 đưa lại). Sau đó, D6 đưa xe về tiệm sửa xe của D6 ở địa chỉ: số 21/4, Ấp 3 đường Đường T, xã X, huyện C, Thành phố H (nay là xã X), Thành phố H cất giữ và liên hệ bạn làm ăn mua bán xe đã qua sử dụng là Nguyễn Văn Đ3 để bán lại chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48. Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 30/5/2025 tại tiệm sửa xe của D6 ở số 21/4 ấp 3 đường Đường T, xã X, huyện C, Thành phố H (nay là xã X), Thành phố H, Đ3 đến xem xe và giao dịch mua chiếc xe trên từ D6 với giá 16.200.000 đồng. Khi bán chiếc xe trên D6 cũng cho biết chiếc xe trên được mua bán lại qua nhiều đời chủ sở hữu, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59L2-262.48 và 01 (một) giấy mua bán tay.

Nguyễn Văn Đ3 khai nhận: Do hành nghề mua bán xe đã qua sử dụng, nên vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 30/5/2025, Đ3 được bạn làm ăn là Nguyễn Minh D6 liên hệ để giao dịch mua bán 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48. Vì vậy, Đ3 đi đến tiệm sửa xe của D6 ở tại địa chỉ 21/4 ấp 3 đường Đường T, xã X, huyện C, Thành phố H (nay là xã X), Thành phố H để xem xe. Qua thương lượng giao dịch, Đ3 mua chiếc xe trên với giá 16.200.000 đồng. Khi bán chiếc xe trên, D6 cũng cho biết chiếc xe trên được mua bán lại qua nhiều đời chủ sở hữu, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59L2-262.48 và 01 (01) giấy mua bán tay. Sau đó, Đ3 đưa xe về nhà tại địa chỉ 61/31/3 Đường C1, xã D1, huyện C, Thành phố H (nay là xã X), Thành phố H cất giữ. Sau đó, Đ3 được Phòng PC02 Công an Thành phố H phối hợp Công an Phường F, Quận E mời làm việc và cho biết chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48 là vật chứng của vụ "Trộm cắp tài sản", nên Đ3 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an Phường F, Quận E để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 02/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản Quận E, Thành phố H xác định 01 (một) xe mô tô biển số 59L2-262.48, theo hình ảnh do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H cung cấp, qua khảo sát thực tế tài sản có giá là 19.800.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

- Thu giữ của chị Nguyễn Thị Ngọc V3:

+ 01 (một) phiếu giữ xe của công ty thể thao Phong Sơn, số 008483 (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) USB màu trắng 64GB, bên trong chứa hình ảnh của Phạm Văn H thực hiện hành vi phạm tội.

- Thu giữ của bị cáo Phạm Văn H:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax; số Imei 1; 356729114441441, só Imei 2: 356729114874559;

+ 01 (một) áo thun xanh đen;

+ 01 (một) quần short ngắn màu đen;

+ 01 (một) đôi giày thể thao màu trắng xanh;

+ 01 (một) mắt kính cận gọng màu đen;

- Thu giữ của Nguyễn Văn H4: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax; số Imei 1: 359978124772132, số Imei 2: 359978124781935, sim số 0394348626.

- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ3:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 59L2-262.48, số máy: JF63E1380010, số khung: RLHJF6305FZ379972;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy, xe mô tô số 038906 (của anh Nguyễn Hoàng B2 đứng tên);

+ 01 (một) giấy mua bán xe ghi tên Nguyễn Văn H7 và Nguyễn Văn H4 (do Phạm Văn H tự viết tay).

Ngày 12/8/2025, Cơ quan điều tra trao trả xe mô tô biển số 59L2-262.48, số khung RLHJF6305FZ379972, số máy JF63E-1380010 và giấy đăng ký xe mô tô trên cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Hoàng B2 (theo Quyết định xử lý vật chứng số B11696/QĐ-VPCQCSĐT ngày 11/8/2025).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Bảo V1, anh Nguyễn Hoàng B2, anh Nguyễn Văn H4, ông Nguyễn Minh D6, anh Nguyễn Minh C6 và anh Nguyễn Văn Đ3 không có yêu cầu bồi thường.

Đối với người đàn ông chạy xe ôm công nghệ (đeo khẩu trang kín mặt, mặc áo Grab màu xanh lá cây, không rõ lai lịch, địa chỉ) được Phạm Văn H thuê khiển xe phía sau và dùng chân đẩy chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48, số máy: JF63E1380010, số khung: RLHJF6305FZ379972 (xe do H trộm cắp) đang điều khiển để đi đến tiệm sửa xe và người thợ làm chìa khóa cho chiếc xe này (người đàn ông khoảng 40 tuổi, không rõ lai lịch, địa chỉ) do không biết sự việc phạm tội của bị cáo Phạm Văn H và không rõ lai lịch, địa chỉ; nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn H4, ông Nguyễn Minh D6, anh Nguyễn Minh C6 và anh Nguyễn Văn Đ3 khi mua chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48, số máy: JF63E1380010, số khung: RLHJF6305FZ379972 thì không biết chiếc xe do bị cáo Phạm Văn H phạm tội mà có và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn H; nên Cơ quan điều tra không xử lý.

* Bản Cáo trạng số 140/CT-VKS-HS ngày 31/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố H đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Phạm Văn H với mức án từ 04 (bốn) năm tù đến 05 (năm) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo (do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại (chị Nguyễn Bảo V1) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Nguyễn Hoàng B2, anh Nguyễn Văn H4, ông

Nguyễn Minh D6, anh Nguyễn Minh C6 và anh anh Nguyễn Văn Đ3) không có yêu cầu bồi thường; nên không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Phạm Văn H thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện và không tranh luận, không bào chữa; bị cáo có đề nghị được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của bị hại như nội dung Cáo trạng đã nêu. Cụ thể như sau: Vào khoảng 17 giờ 50 phút, ngày 28/5/2025, tại sân bóng thuộc trường Trung học phổ thông Đường Q1 (địa chỉ: 909 Đường Q1, Phường F, Quận E (nay là phường N), Thành phố H), bị cáo H đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô, biển số 59L2-262.48 của chị Nguyễn Bảo V1 đang gửi tại bãi giữ xe trên và qua định giá tài sản có trị giá là 19.800.000 đồng (mười chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Do đó, với hành vi phạm tội nêu trên và với trị giá tài sản chiếm đoạt, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Phạm Văn H đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong lần phạm tội này của bị cáo Phạm Văn H là thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" (Bán án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HSST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố H) đã xác định bị cáo H "tái phạm" và bị cáo chấp hành xong Bản án này vào ngày 20/01/2025; sau đó vào ngày 28/5/2025, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mới, với lỗi cố ý (mặc dù chưa được xóa án tích); nên thuộc trường hợp "Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý ". Đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H, theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Dó đó, bị cáo Phạm Văn H phảibị xét xử theo quy định tại tình tiết này.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân không tốt (đã từng bị Tòa án kết án), nhưng vẫn không chịu sửa chữa, tu dưỡng và rèn luyện phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý; qua đó thể hiện thái độ chấp hành pháp luật không tốt, nên Hội đồng

xét xử cần xem xét, cân nhắc để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, cũng tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phảichịu.

[6] Bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố H đối với bị cáo Phạm Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về ý kiến của bị cáo Phạm Văn H đề nghị được giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở pháp luật, như phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt một số tiền nhất định; nhưng xét thấy bị cáo Phạm Văn H thuộc thành phần lao động nghèo trong xã hội, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung (miễn) đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại (chị Nguyễn Bảo V1) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Nguyễn Hoàng B2, anh Nguyễn Văn H4, ông Nguyễn Minh D6, anh Nguyễn Minh C6 và anh anh Nguyễn Văn Đ3) không có yêu cầu bồi thường; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng và đồ vật khác bị tạm giữ:

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 59L2-262.48, số máy: JF63E1380010, số khung: RLHJF6305FZ379972 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy, xe mô tô số 038906: Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn H7 (chủ sở hữu của chiếc xe trên) là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax; số Imei 1: 359978124772132, só Imei 2: 359978124781935; số sim: 0394348626 (của anh Nguyễn Văn H4): Do anh H4 không biết và không có liên quan đến vụ án, nên trả lại cho anh H4.

- 01 (một) áo thun xanh đen; 01 (một) quần short ngắn màu đen; 01 (một) đôi giày thể thao màu trắng xanh; 01 (một) mắt kính cận gọng màu đen (bị cáo Phạm Văn H sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội), hiện không còn giá trị sử dụng; nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax; số Imei 1: 356729114441441, số Imei 2: 356729114874559 là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và có giá trị sử dụng; nên tịch thu nộp ngân sách quỹ Nhà nước.

- 01 (một) USB màu trắng 64GB, bên trong chứa hình ảnh bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội; 01 (một) phiếu giữ xe của công ty thể thao Phong Sơn, số 008483

(đã qua sử dụng), 01 (một) giấy mua bán xe ghi tên Nguyễn Văn H7 và Nguyễn Văn H4 (do bị cáo Phạm Văn H tự viết tay); là tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phảichịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với người đàn ông chạy xe ôm công nghệ được Phạm Văn H thuê điều khiển xe phía sau và dùng chân đẩy chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48, số máy: JF63E1380010, số khung: RLHJF6305FZ379972 (xe do H trộm cắp) đang điều khiển để đi đến tiệm sửa xe và người thợ làm chìa khóa cho chiếc xe này do không biết sự việc phạm tội của bị cáo Phạm Văn H và không rõ lai lịch, địa chỉ; nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý là có cơ sở pháp luật.

[13] Đối với anh Nguyễn Văn H4, ông Nguyễn Minh D6, anh Nguyễn Minh C6 và anh Nguyễn Văn Đ3 khi mua chiếc xe mô tô biển số 59L2-262.48, số máy: JF63E1380010, số khung: RLHJF6305FZ379972 thì không biết chiếc xe do bị cáo Phạm Văn H phạm tội mà có và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn H; nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 04 (bốn) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2025.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn H.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn H4 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax; số Imei 1: 359978124772132, số Imei 2: 359978124781935; số sim: 0394348626.

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) áo thun xanh đen; 01 (một) quần short ngắn màu đen; 01 (một) đôi giày thể thao màu trắng xanh; 01 (một) mắt kính cận gọng màu đen.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax; số Imei 1: 356729114441441, só Imei 2: 356729114874559.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật lập ngày 06/11/2025, tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10 - Thành phố H).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, với số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Trúc

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PV06 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV10 - TP.HCM;
- Phòng THADSKV10-TP.HCM;
- CQCSĐT CA TP.HCM;
- CQTHAHS CA TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP.HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.